

**Xác định đáp án nào đúng giá trị khi viết dưới dạng số.****Câu trả lời**

- | | |
|--|-----------|
| 1) hai mươi tám và bảy phần trăm
A. 82,70 B. 82,0 C. 28,7 D. 28,07 | 1. _____ |
| 2) bốn trăm hai mươi bốn và bảy phần trăm
A. 424,07 B. 424,70 C. 424,7 D. 424,007 | 2. _____ |
| 3) tám mươi bảy và ba một phần mười
A. 78,3 B. 87,003 C. 87,03 D. 87,3 | 3. _____ |
| 4) tám mươi chín và tám một phần mười
A. 89,8 B. 89,08 C. 98,8 D. 89,008 | 4. _____ |
| 5) sáu trăm chín mươi hai và ba trăm hai mươi bảy phần nghìn
A. 692,327 B. 296,723 C. 296,327 D. 296,3 | 5. _____ |
| 6) bảy trăm năm mươi lăm và sáu phần nghìn
A. 755,006 B. 557,006 C. 557,0 D. 755,600 | 6. _____ |
| 7) bốn mươi sáu và một phần mười
A. 64,1 B. 46,001 C. 46,01 D. 46,1 | 7. _____ |
| 8) bốn trăm chín mươi bốn và một trăm sáu mươi bốn phần nghìn
A. 494,461 B. 494,00164 C. 494,164 D. 494,0164 | 8. _____ |
| 9) chín trăm năm mươi một và hai trăm tám mươi bảy phần nghìn
A. 951,00287 B. 951,782 C. 951,287 D. 159,2 | 9. _____ |
| 10) hai mươi ba và bảy trăm bốn mươi hai phần nghìn
A. 23,742 B. 23,247 C. 32,247 D. 23,00742 | 10. _____ |
| 11) bảy mươi sáu và sáu phần nghìn
A. 67,0 B. 76,006 C. 67,600 D. 67,00 | 11. _____ |
| 12) chín trăm bảy mươi sáu và chín trăm sáu mươi hai phần nghìn
A. 976,962 B. 679,96 C. 679,269 D. 679,962 | 12. _____ |
| 13) ba mươi một và bốn trăm mười tám phần nghìn
A. 31,814 B. 31,00418 C. 31,418 D. 31,0418 | 13. _____ |
| 14) chín mươi hai và bốn trăm mười hai phần nghìn
A. 92,412 B. 29,214 C. 92,0412 D. 29,41 | 14. _____ |
| 15) ba mươi bảy và tám trăm bảy mươi một phần nghìn
A. 73,87 B. 37,178 C. 37,871 D. 73,178 | 15. _____ |

**Xác định đáp án nào đúng giá trị khi viết dưới dạng số.****Câu trả lời**

- 1) hai mươi tám và bảy phần trăm
A. 82,70 B. 82,0 C. 28,7 D. 28,07
- 2) bốn trăm hai mươi bốn và bảy phần trăm
A. 424,07 B. 424,70 C. 424,7 D. 424,007
- 3) tám mươi bảy và ba một phần mười
A. 78,3 B. 87,003 C. 87,03 D. 87,3
- 4) tám mươi chín và tám một phần mười
A. 89,8 B. 89,08 C. 98,8 D. 89,008
- 5) sáu trăm chín mươi hai và ba trăm hai mươi bảy phần nghìn
A. 692,327 B. 296,723 C. 296,327 D. 296,3
- 6) bảy trăm năm mươi lăm và sáu phần nghìn
A. 755,006 B. 557,006 C. 557,0 D. 755,600
- 7) bốn mươi sáu và một phần mười
A. 64,1 B. 46,001 C. 46,01 D. 46,1
- 8) bốn trăm chín mươi bốn và một trăm sáu mươi bốn phần nghìn
A. 494,461 B. 494,00164 C. 494,164 D. 494,0164
- 9) chín trăm năm mươi một và hai trăm tám mươi bảy phần nghìn
A. 951,00287 B. 951,782 C. 951,287 D. 159,2
- 10) hai mươi ba và bảy trăm bốn mươi hai phần nghìn
A. 23,742 B. 23,247 C. 32,247 D. 23,00742
- 11) bảy mươi sáu và sáu phần nghìn
A. 67,0 B. 76,006 C. 67,600 D. 67,00
- 12) chín trăm bảy mươi sáu và chín trăm sáu mươi hai phần nghìn
A. 976,962 B. 679,96 C. 679,269 D. 679,962
- 13) ba mươi một và bốn trăm mười tám phần nghìn
A. 31,814 B. 31,00418 C. 31,418 D. 31,0418
- 14) chín mươi hai và bốn trăm mười hai phần nghìn
A. 92,412 B. 29,214 C. 92,0412 D. 29,41
- 15) ba mươi bảy và tám trăm bảy mươi một phần nghìn
A. 73,87 B. 37,178 C. 37,871 D. 73,178

1. **D**
2. **A**
3. **D**
4. **A**
5. **A**
6. **A**
7. **D**
8. **C**
9. **C**
10. **A**
11. **B**
12. **A**
13. **C**
14. **A**
15. **C**